

Khóa 17 và Không Quân

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Vào trung tuần tháng 11 năm 1960, hơn hai trăm thanh niên khắp các tỉnh thành miền Nam đã hội tụ về thành phố sương mù Đà Lạt để tình nguyện gia nhập Khóa 17 (K17) Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (VBQGVN).

Ngày 30 tháng 3 năm 1963, 180 tân sĩ quan của K17 tốt nghiệp Thiếu Úy Hiện Dịch, trong đó có 30 sĩ quan đã được tuyển qua Không Quân (KQ) từ năm học thứ 2, vào năm 1962.

Mùa xuân năm 1962, Bộ Tư Lệnh KQ (BTLKQ), đề cử một số sĩ quan Không Quân lên Trường Võ Bị Đà Lạt thuyết trình về tổ chức, hoạt động của KQ Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc chiến tự vệ, đề **chiêu mộ** một số Sinh Viên Sĩ Quan K17 (SVSQ) chọn quân chủng này.

Hơn một trăm SVSQ K17 ghi danh chọn KQ.

Thời gian ngắn sau, BTLKQ đưa máy móc, thiết bị lên Quân trường để kiểm tra (TEST) về khả năng phản ứng tay chân của 100 SVSQ đã ghi danh.

Hình như khoảng 70 SVSQ qua (pass) được TEST này.

Không lâu sau, 70 vị được mời về Trung Tâm Giám Định Y Khoa trong căn cứ KQ Tân Sơn Nhứt để khám nghiệm sức khỏe tổng quát, tai mắt mũi họng, và tim gan phèo phổi. Mọi



cơ phận phải tuyệt hảo để trở thành một phi công!

Cuối cùng chỉ còn 30 SVSQ qua được cửa ải khe khát này.

Ngay sau khi mãn khóa, 30 tân sĩ quan K17 được tuyển, về trình diện Bộ Tư lệnh KQ để nhận giấy nghỉ phép hai tuần, sau đó tất cả trình diện Đại Úy Truyền, Liên Đoàn SVSQ tại Trung Tâm Huấn Luyện KQ Nha Trang (TTHLKQ).

Tại TTHKKQ, 30 tân sĩ quan được cải danh thành **Sĩ quan Khóa sinh (SQKS)** để theo học ESL (English as Second Language) tại Trường Anh ngữ thuộc Trung Tâm này. Để được tuyển chọn du học Hoa kỳ, mọi khóa sinh phải đạt điểm 70 ESL qua một cuộc trắc nghiệm sau 3 tháng học tập.

30 SQKS đều “pass test ESL” này, nhưng thay vì học bay tại Mỹ, họ được (hay bị) học bay tại Nha Trang. Về điểm này, có bạn cho rằng, cánh cửa du học Mỹ ngày càng hẹp lại. Có bạn lại nghĩ, cấp trên muốn huấn luyện 30 sĩ quan Đà Lạt thành hoa tiêu sao cho nhanh!

Sô là, vào năm 1963, Không Quân Mỹ áp dụng thử kế hoạch huấn luyện cho các Không Quân Đồng Minh tại quốc gia sở tại thay vì tại Hoa Kỳ. (Cho đỡ tốn kém chăng?) Một toán huấn luyện lưu động (*training mobile team*) gồm các huấn luyện viên địa huấn & phi huấn (ground school & fly school), chuyên viên cơ khí, và máy bay Cessna U17 (máy bay huấn luyện, một động cơ, 6 chỗ ngồi) được gửi qua Nha Trang để huấn luyện phi công quan sát tại đây cho các khóa sinh Việt Nam.

Tất cả 30 tân sĩ quan Khóa 17 (và một số SVSQ KQ khác) được theo học **Khóa L1 Cessna U17**, khai giảng vào khoảng tháng 7 (hay 8) năm 1963, là khóa thí nghiệm đầu tiên, do KQ Mỹ huấn luyện phi công Việt Nam tại bản địa. Vì các huấn luyện viên địa huấn và phi huấn đều là KQ Mỹ, nên khóa sinh Việt Nam bắt buộc phải học, phải hiểu và phải nói tiếng... Mỹ!

Chương trình địa huấn khoảng 3 tuần, gồm cấu tạo phi cơ,

tác động của gió (khí động học), sức nâng, sức cản, công dụng của bình ổn ngang, bình ổn đứng, cánh cản, cánh phụ, v.v...

Mỗi khóa sinh phải học bay với huấn luyện viên (instructor pilot) trung bình từ 10 đến 15 giờ bay. Các cựu HLV hoa tiêu phi cơ T41, Nguyễn Duy, K17 (Houston) và Nguyễn Văn Phúc, (Quận Cam) cho rằng, phải mất từ 25 giờ đến 30 giờ mới được thả bay một mình, còn gọi là *bay solo*. Khi thả *học trò solo*, coi như thầy tin tưởng vào khả năng bay bổng *an toàn* (safety first) của học trò của mình. (3)



Buổi lễ mãn khoá 17, vào ngày 20 tháng 3 năm 1963. Các tân sĩ quan đang nhận lãnh cấp bậc thiếu úy từ các sĩ quan của TVBQGVN.

Ngày thả bay solo là một ngày khởi đầu vô cùng trọng đại của một phi công. Ngày đó, *học trò* (một mình một tàu) cất cánh và đáp liên tục 3 lần. Sau lần đáp thứ 3 (full stop) coi như xong và học trò *taxi* phi cơ (di chuyển) về bến đậu. Nếu phi vụ solo diễn ra tốt đẹp, nghĩa là *safety*, học trò sẽ nhận nghi lễ truyền thống là *được* thầy của mình *đội một xô nước lạnh lên đầu!*

Những tháng sau, khóa sinh học bay *hoàn bị* như điều khiển phi cơ queo gât bên trái bên phải, bay lượn thành hình số 8 (lazy eight), lấy lại thăng bằng khi phi cơ bị triệt nâng (stall

recovery)....

Thêm vào đó là học kỹ thuật *đáp sân ngắn gió ngang*, cất cánh trên sân ngắn, tập bay đêm, bay phi cụ (instrument flight) để có thể bay trong mây, trong mưa, ban đêm hay khi trời mù. Bài học quan trọng nhất vẫn là thực tập *đáp khẩn cấp* (emergency landing) trong trường hợp phi cơ gặp trục trặc kỹ thuật. Sau cùng học cách lập một phi trình để bay du hành (cross country) từ điểm A đến điểm B, điểm C...

Sau 5 tháng học bay (từ tháng 8 đến tháng 01/1964), 30 Thiếu úy Khóa 17 Lê Lai Trường Võ Bị Quốc Gia *tốt nghiệp* thành 30 hoa tiêu quan sát trên phi cơ U17 hay còn gọi là Cessna 185. Sau ngày tốt nghiệp, 30 tân phi công được chuyển về căn cứ Không Quân Biên Hòa để tiếp tục học bay *hành quân* trên phi cơ *bird dog* Mỹ (phi cơ O1- hay còn gọi phi cơ L19 hay *máy bay bà già*) trong vòng 1 tuần với các hoa tiêu của Lục Quân Mỹ (Army Aviation).

Sau một tuần học bay hành quân trên O1 (L19), 30 phi công Khóa L1 KQ Nha Trang sẵn sàng tung cánh. Họ được phân phối về 03 Phi Đoàn Quan Sát bấy giờ (1964), là:

Phi Đoàn 110 (Đà Nẵng): Lê Hoàn Anh, Nguyễn Duy Diệm, Lê Sĩ Thắng, Hoàng Đức Thịnh, Bùi Văn Lợi, Trần Minh Vũ, Võ Ý.

Phi Đoàn 112 (Biên Hòa): Nguyễn Hữu Xuân, Lê Hữu Trí, Cao Ngọc Quang, Nguyễn Văn Hoàng, Võ Phi Hổ, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Quang Kim, Huỳnh Văn Tông, Trần Bạch Thanh.

Phi Đoàn 114 (Pleiku): Nguyễn Duy, Nguyễn Xuân Tám, Nguyễn Văn Xuân, Hà Thuyên, Vũ Khắc Huy, Dương Thanh Long, Nguyễn Phụng.

Khoảng đầu năm 1965, Phi Đoàn 114 chuyển về Nha Trang, đồng thời **Phi Đoàn 116** được thành lập và đặt tại căn cứ KQ Trà Nóc, **Cần Thơ**.

Phi Đoàn 116 (Cần Thơ): Nguyễn Đức Gia, Ngô Nhơn, Huỳnh Cao Khải, Huỳnh Công Đăng, Hoàng Thiên Hựu, Nguyễn Minh Nhựt, Nguyễn Văn Thịnh.

Sau một năm phục vụ, nếu các hoa tiêu đạt trên 500 giờ bay hành quân trên các loại phi cơ quan sát (L19, L20, và U17), có thể làm đơn xin *xuyên huấn* qua các loại phi cơ khu trục hay vận tải.



Các tân sĩ quan Khoá 17 tự chọn đơn vị sau khi mãn khoá.

Các KQ K17 xuyên huấn qua khu trục là: Lê Hoàn Anh, Nguyễn Hữu Xuân, Dương Thanh Long, Cao Ngọc Quang, Nguyễn Quang Kim, Nguyễn Văn Hùng, Võ Phi Hồ, Lê Hữu Trí, Bùi Văn Lợi, Huỳnh Cao Khải và Huỳnh Công Đăng.

Các KQ K17 xuyên huấn qua vận tải là: Ngô Nhơn, Nguyễn Minh Nhựt, Trần Bạch Thanh, Huỳnh Văn Tông.

Một vài ghi nhận không chính thức, là:

Khi các sĩ quan Võ Bị Đà Lạt về TTHLKQ Nha Trang để học Anh Văn, một số SVSQ cán bộ Không Quân tại đây rất muốn “lên mặt” ta đây là niên trưởng, là cán bộ, ra oai kiểm soát giày dép giường chiếu của các tân Thiếu Úy, nhưng không được!

Khi các KQ gốc Đà Lạt được bổ nhiệm về đơn vị, các *staff* (tham mưu) của phi đoàn (*phi đoàn trưởng, phi đoàn phó, trưởng phòng hành quân, sĩ quan an phi, sĩ quan huấn luyện*) không mấy chiều cố. Bởi vì, trên thực tế, các vị *staff* đó có khi mang cấp chuẩn úy, hoặc thiếu úy giả định, trong khi các KQ gốc Đà Lạt mang thiếu úy thực thụ, hai năm sau tự động thăng cấp trung úy!

Trên lãnh vực chuyên môn (bay bổng) và kinh nghiệm chiến trường thì các vị *staff* coi như dày dặn hơn các ông thiếu úy Đà Lạt, nhưng trên lãnh vực lãnh đạo chỉ huy thì mấy KQ gốc Đà Lạt được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp hơn.

TTHLKQ Nha Trang tuyển mộ hằng năm để đào tạo thành hoa tiêu, quan sát viên hay chuyên viên kỹ thuật... Khi các SVSQ/KQ này tốt nghiệp dù ở Mỹ hay tại Nha Trang, họ tự cho mình là “**Không Quân truyền thống**”, nghĩa là từ dân sự vào không quân, được không quân đào tạo thành... *Không Quân truyền thống!*

Như vậy có nghĩa là, khi các sĩ quan tốt nghiệp tại các trường bộ binh (như Võ Bị Đà Lạt hay Bộ Binh Thủ Đức) mà chuyển qua Không Quân, được Không Quân đào tạo thành hoa tiêu hoặc quan sát viên, họ *được* xem là “**Không Quân lai giống**”!

Chắc hẳn thượng cấp đã có kế hoạch trẻ trung hóa các Quân Binh chủng của Quân Lực VNCH nên mới tuyển các SVSQ Trường Võ Bị Đà Lạt qua Hải Quân và Không Quân sau khi tốt nghiệp, kể từ Khóa 16. Một điều khẳng định là, khi một thanh niên dân sự được đào tạo 4 năm để trở thành cấp chỉ huy trung đội trưởng bộ binh trên cả hai lãnh vực về quân sự lẫn lãnh đạo chỉ huy, vẫn tốn kém hơn đào tạo một phi công.

Rất tiếc, kế hoạch chưa thành vì vận nước suy vong.

Tự hào về màu cờ sắc áo của quân binh chủng mình là điều đáng trân trọng. Nhưng nếu tự hào thái quá sẽ thành tự kiêu. Giữa tự kiêu và kiêu binh nhiều khi không có ranh

giới.

Người xưa bảo, ăn cây nào rào cây ấy.

Những K17, gốc Đà Lạt được tuyển qua Không Quân, phục vụ quân chủng thân yêu với tất cả nhiệt tình và trách nhiệm của một Sĩ Quan Không Quân gốc Võ Bị Quốc Gia.

Trái tim của họ là Tổ Quốc Không Gian.

Khối óc của họ là Tự Thắng Để Chi Huy!

Họ tự hào là Không Quân của đất nước.

Họ hãnh diện là phi công từ nguồn gốc Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Cho đến cuối cuộc chiến, các KQ K17 đảm nhiệm những chức vụ sau:

- Nguyễn Duy Diệm: Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Tiền Phương Không Quân Phú Bài, Huế.

- Hà Thuyên: Liên Đoàn Trưởng/ Liên Đoàn Trợ Lực/ Không Đoàn Yểm Cứ Pleiku.

- Huỳnh Cao Khải: Liên Đoàn phó/ Liên Đoàn Phòng Thủ/ Không Đoàn Yểm Cứ Cần Thơ.

- Dương Thanh Long: Trưởng Phòng Hành Quân Chiến Cuộc/ Sư Đoàn 6 Không Quân, Pleiku.

- Huỳnh Công Đặng: Trưởng Phòng Hành Quân Chiến Cuộc/ Sư Đoàn 4 Không Quân, Cần Thơ.

- Huỳnh Văn Tông và Trần Bạch Thanh: Phi Đoàn Trưởng và Phi Đoàn Phó Phi Đoàn Hỏa Long 817, Tân Sơn Nhất.

- Lê Sĩ Thắng: Phi Đoàn Trưởng Phi Đoàn 110 Thiên Phong, Đà Nẵng.

- Nguyễn Xuân Tám: Phi Đoàn Trưởng Phi Đoàn 114 Sơn Ca, Nha Trang

- Nguyễn Đức Gia: Phi Đoàn Trưởng Phi Đoàn 116 Thần Ưng, Cần Thơ.

- Võ Ý: Phi Đoàn Trưởng Phi Đoàn 118 Bắc Đẩu, Pleiku.

Trong biến cố đau thương ngày 30 tháng 4/1975, có vị bay thoát Việt Nam, có vị bị kẹt lại và phải chịu cảnh tù đày như

bao Quân Cán Chính VNCH khác. Hiện nay, hầu hết các KQ gốc K17 đều định cư tại Hoa kỳ. Tuổi trung bình là 77 tuổi đời. Một cụ còn đi cày (Cụ *Trần Bạch Thanh, khỏe thật!*), còn hầu hết đã ăn tiền hưu, có người ăn tiền già, **sống trong nỗi hoài niệm về khung trời cũ núi sông xưa!**

Những cánh chim K17 sau đây đã bay vào hư vô, trước và sau ngày 30 tháng 4 năm 1975: *Nguyễn Văn Xuân, Lê Hoàn Anh, Hoàng Đức Thịnh, Bùi Văn Lợi, Lê Hữu Trí, Cao Ngọc Quang, Huỳnh Văn Tông, Hà Thuyên, Trần Minh Vũ, Huỳnh Cao Khải.*

Phi công Nguyễn Văn Xuân, tự là Xuân Mắm, người hy sinh đầu tiên trên L19 (cuối năm 64 hoặc đầu năm 65) tại vùng biển Vũng Rô, Nha Trang.

Phi công Hoàng Đức Thịnh, trên đường bay chiếc Cessna U17 6 chỗ ngồi từ Saigon về lại Đà Nẵng, gặp thời tiết xấu nên bị crash gần Quảng Ngãi, bị Việt Cộng bắt làm tù binh và tử vong sau đó.

Phi công Trung tá Hà Thuyên, sau khi ra tù (vào khoảng năm 1985), tổ chức vượt biển, gặp trời gió bão, vỡ thuyền đành vùi thân biển cả.

v.v...

Hiện nay, duy nhất Khóa 17 trong 31 khóa, đã thiết lập được **Bia Tưởng Niệm K17** đã nằm xuống tại Victor Memorial Veterans Park, thành phố Greer thuộc Tiểu bang South Carolina, USA.

Mời vào link để xem:

(<http://nguoivietquocgia.blogspot.com/2008/07/bia-tng-nim-79-svsq-k17-lt-south.html>)

Xin cầu nguyện cho hương linh của quý đồng môn hòa nhập vào hồn thiêng sông núi, phù hộ cho đồng bào, đồng đội và đàn chim tiếp nối, *nuôi chí quật cường*, để có một ngày mai, đàn chim Việt Tự Do tung cánh, bay rợp trời quê hương,

từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau và các hải đảo xa xôi...

Mong thay!

Ngày Father Day 2017.

Bia Tưởng Niệm các CSVSQ của Khoá 17 đã Vị Quốc Vong Thân đặt tại công viên Victoria thành phố Greer South Carolina, ngày 18 tháng 6 2008.

“Danh sách những bạn đồng khoá của chúng tôi đã chiến đấu và hy sinh vì tự do cho đất nước của chúng tôi.”





Ông Steve Dille

Người Bảo Trợ Chính Nghị Quyết Của Thượng Viện Quốc Hội Minnesota v/v Công Nhận Cờ VNCH

Nguyễn Quốc Đông, K. 13

1-Vài nét về các nghị quyết vinh danh cờ Việt Nam Cộng Hòa:

Năm 2003 là năm khởi đầu chiến dịch vinh danh cờ Việt Nam Cộng Hòa, bắt đầu từ California, là tiểu bang có đông người Việt tỵ nạn cộng sản tại Hoa Kỳ nhất; sau đó được tiếp tục tại nhiều tiểu bang khác; và cho đến nay, 14 năm đã trôi qua, cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn nỗ lực để chính quyền địa phương ban hành các nghị quyết công nhận, vinh danh lá cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa. Các nghị quyết vinh danh cờ Việt Nam Cộng Hòa, lá cờ di sản của tự do, dân chủ, là niềm tự hào của người Việt hải ngoại, mà phần lớn là các nạn nhân của chế độ độc tài cộng sản Việt Nam, sau biến cố ngày 30-4-1975.

Các nghị quyết cờ VNCH được ban hành bởi nhiều cấp chính quyền địa phương: hội đồng thành phố, quận, hạt, đảng Cộng Hòa địa phương, và cao nhất là thống đốc tiểu bang, hay quốc hội tiểu bang.

2- Các nghị quyết vinh danh cờ VNCH tại Minnesota:

Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn Minnesota do cô Trung Tá Nguyễn Ngọc Đa làm chủ tịch (2002-2005), đã cộng tác cùng các cộng đồng, các hội đoàn quân đội cũng như dân sự, và đông đảo đồng bào người Việt TNCS, vận động các hội đồng thành phố, và Quốc Hội Tiểu Bang MN thông qua các nghị quyết công nhận và vinh danh cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa như sau:

Nghị quyết của hội đồng thành phố Saint Paul (số 03-502, ngày 28 tháng 5, 2003) Người bảo trợ: Nghị Viên John Blackey.

Nghị quyết của hội đồng thành phố Minneapolis (số 2004-155, ngày 16 tháng 4, 2004). Người bảo trợ: Nghị Viên Don Samuels, và Nghị Viên Robert Lilligren.

Nghị quyết của hội đồng thành phố Saint Cloud (số 2004-7-180, ngày 19 tháng 7, 2004).

Nghị quyết của Thượng Viện Minnesota (số SR 0097, ngày 10 tháng 5, 2005) Người bảo trợ chính: Thượng Nghị Sĩ Steve Dille, các thượng nghị sĩ đồng bảo trợ: TNS David Hann, TNS Don Betzold, TNS Dennis Frederickson, và TNS Mee Moua.

Nghị quyết của Hạ Viện Minnesota (số HR 0017, ngày 8 tháng 6, 2005). Người bảo trợ chính: Dân Biểu Dean Urdahl. Các dân biểu đồng bảo trợ: DB Cy Thao, và DB Lynn Wardlow.

Việc vận động cho các nghị quyết vinh danh cờ Việt Nam Cộng Hòa chứng tỏ quyết tâm của người Việt TNCS tại Minnesota trong việc khẳng định lý lịch của mình: **họ không phải là người tỵ nạn kinh tế, mà là người tỵ nạn chính trị**. Tại quê hương Việt Nam, họ đã bị chế độ cộng sản trù dập, truy bức, kỳ thị; mất hết tự do, mất quyền công dân và các quyền căn bản của con người; nên phải bỏ nước ra đi.

Lá cờ vàng ba sọc đỏ, biểu tượng của tự do, dân chủ, được coi là lá cờ di sản, đại diện cho cộng đồng mới của họ tại quê hương Hoa Kỳ. Họ là những “công dân Mỹ gốc

Việt”, không phải là “công dân Việt Nam” của nước Việt Nam cộng sản.

Các vị nghị viên các hội đồng thành phố, các vị dân biểu, các vị thượng nghị sĩ quốc hội Tiểu Bang Minnesota, đứng ra bảo trợ cho các nghị quyết vinh danh cờ Việt Nam Cộng Hòa, là những ân nhân của người Việt TNCS tại MN. Họ ghi nhận chúng ta là những công dân Hoa Kỳ nhập tịch, đến từ Việt Nam, một vùng đất xa xôi, cách Hoa Kỳ đến nửa vòng trái đất, đã từng trải qua thời gian rất khó khăn ban đầu của cuộc đời tỵ nạn, nhưng phấn đấu không ngừng để xây dựng cuộc sống mới, và đóng góp xây dựng cho quê hương thứ hai.

Họ cũng hiểu được nguyện vọng của chúng ta là muốn vinh danh lá cờ của Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia tuy không còn hiện hữu, nhưng biểu tượng của quốc gia này luôn sống mãi trong lòng những công dân cũ của VNCH, những người vẫn quyết tâm theo đuổi những lý tưởng cao đẹp của VNCH. Vì vậy, các vị bảo trợ cho các nghị quyết cờ VNCH tại Tiểu Bang Minnesota đã hết lòng giúp đỡ cho người Việt MN trong việc vận động các nghị viên hội đồng thành phố, các dân biểu, và thượng nghị sĩ đồng viện, trong việc soạn thảo và thông qua các nghị quyết quan trọng nói trên.

Chính nhờ các nghị quyết công nhận và vinh danh cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa, nhất là các nghị quyết của quốc hội tiểu bang MN, mà người Việt tại Minnesota đã nhiều lần thành công trong việc hạ cờ đỏ của Việt cộng, và thay thế bằng cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa tại nhiều nơi thuộc nhiều thành phố ở MN (các trường học, siêu thị, bệnh viện, công ty...)

3- Tri Ân Cựu Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang Minnesota Steve Dille, Người Bảo Trợ Chính Cho Nghị Quyết Của Thượng Viện Quốc Hội Minnesota Công Nhận Cờ Việt Nam Cộng Hoà, Số SR 0097, Thông Qua Ngày 10-5-2005.

Thượng Nghị Sĩ Stephen Dille (còn được gọi là Steve Dille), cư ngụ tại thành phố Dassel, quận Meeker, MN (cách Minneapolis 50 miles về phía Tây), tốt nghiệp trường đại học MN, ngành thú y, vào tháng 6, 1969. Cũng năm đó, ông là một trong 4 bác sĩ thú y được Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tuyển chọn sang Việt Nam làm cố vấn trong lãnh vực thú y, trong chương



Lễ nhận nghị quyết công nhận cờ vàng VNCH của lương viện Quốc Hội Minnesota, 2005.

trình tái thiết xây dựng lại vùng nông thôn Việt Nam từng bị chiến tranh phá hủy (Pacification Program for a war-ravaged country), mục đích là giúp những nông dân Việt Nam tại các trang trại chăn nuôi gia súc biết cách chăm sóc, phòng bệnh và trị bệnh cho gia súc (heo, bò, gà, vịt...). Địa bàn làm việc của ông là vùng châu thổ sông Cửu Long, vựa lúa trù phú của miền Nam gồm 16 tỉnh miền Tây. Năm đó ông còn rất trẻ, mới 24 tuổi, và đây chính là công việc đầu tiên của ông sau khi tốt nghiệp đại học. Với kinh nghiệm của một chàng trai trưởng thành nơi nông trại, ông đã khởi đầu sự nghiệp của mình bằng cách tình nguyện phục vụ tại vùng nông thôn Việt Nam đầy bất trắc trong thời chiến, với tấm lòng can đảm, và tận tụy.

Ông phục vụ tại nhiều thành phố như Cần Thơ, Sóc Trăng,

Bạc Liêu... Tuy chỉ làm công việc chuyên môn của một bác sĩ thú y dân sự, ông gặp không ít nguy hiểm vì chiến tranh du kích của Việt cộng nhằm mục tiêu chính là các vùng nông thôn của VNCH. Nhiều lần ông bị kẹt trong lửa đạn của giặc Cộng, có lần suýt bị một du kích VC sát hại bằng lựu đạn ném tay.

Trong thời gian công tác tại vùng nông thôn Nam Việt Nam, bác sĩ Dille làm việc sát cánh cùng hai cộng sự người Việt, phụ tá ông trong công việc chuyên môn (thú y), và giúp ông trong việc thông dịch. Đó là ông Dương Quang Ngự (trung úy trừ bị khóa 6 trường Võ Khoa Thủ Đức, đã giải ngũ năm 1966, là chuyên viên về phát triển khu vực cho cơ quan USAID Vùng IV cùng TNS Steve Dille, thông dịch viên của quân đội Mỹ, cũng là chủ một trang trại nuôi gà tại Bình Thủy, Cần Thơ), và ông Dương Quang Thừa (anh ông Ngự, nhân viên Phòng Canh Nông (Agriculture Department) USAID Vùng 4, cũng là chủ trại gà Huynh-Đệ Cần Thơ). Bác sĩ Dille và gia đình hai cộng sự người Việt này nhanh chóng trở thành những người bạn rất thân. Tại Việt Nam, họ đã coi nhau như người thân một nhà, giúp đỡ nhau tận tình. Và rồi họ lại có cơ duyên gặp lại nhau nhiều năm sau này trên đất Hoa Kỳ.

Tháng 11, 1974, bác sĩ Steve Dille rời Việt Nam trở về quê nhà ở Minnesota. Thời gian ông phục vụ tại Việt Nam là 3 năm rưỡi. Bốn tháng sau ngày ông rời Việt Nam, tháng 3, 1975, bắc quân CS mở cuộc tổng tấn công vào các thành phố lớn ở Nam Việt Nam, và thủ đô Sài Gòn của VNCH thất thủ ngày 30-4-1975. CSVN thiết lập chế độ cai trị mới, tước đoạt mọi quyền tự do của người dân, hủy bỏ nền kinh tế tư doanh, khiến đời sống của người dân Nam VN lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn. Những người đã từng cộng tác, làm việc với người Mỹ bị kỳ thị nhiều hơn nữa.

Bác sĩ Steve Dille lo lắng cho gia đình những người bạn đã từng làm việc với ông tại Nam VN, nên ông đã viết thư cho họ, đề nghị bảo trợ cho họ định cư tại Hoa Kỳ nếu họ ra khỏi được Việt Nam.

Khi hay tin các con của ông Dương Quang Ngự, và ông Dương Quang Thừa, sau nhiều chuyến vượt biển, đã đến được các trại tỵ nạn ở Đông Nam Á (Thái Lan, Nam Dương, Phi Luật Tân...), ông Steve Dille đã nhanh chóng làm giấy bảo trợ, và đưa họ về định cư tại Minnesota. Sự giúp đỡ tận tình của gia đình bác sĩ Steve Dille (ông và vợ là bà Pamela Dille) đối với các người Việt tỵ nạn CS trẻ tuổi tại MN (từ tháng 9, 1983) đã giúp họ vượt qua khó khăn buổi đầu, xây dựng được cuộc sống mới tốt đẹp nơi vùng đất mới, được học hành đến nơi đến chốn, có công việc làm ổn định, và sau này có điều kiện bảo lãnh cha mẹ (ông bà Ngự, và ông bà Thừa) sang định cư tại Mỹ năm 1995. Như vậy bác sĩ Dille đã có dịp gặp lại, và giúp đỡ gia đình những người bạn cũ của ông tại Việt Nam.

Bác sĩ Dille phục vụ tại các vùng nông thôn Nam Việt Nam khiến ông hiểu rất rõ cuộc chiến tự vệ của quân, dân miền Nam chống bắc quân CS xâm lược. Ông cũng hiểu rõ tâm tình của những nạn nhân CS phải liêu chết bỏ quê hương ra đi tìm tự do. Ông hiểu được ước vọng của họ là nêu cao lý tưởng của quốc gia mà họ từng đổ mồ hôi và đổ máu để phục vụ. Đó chính là lý do ông đã đứng ra làm người bảo trợ chính cho nghị quyết vinh danh cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa, do Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn MN và một số đoàn thể tại MN khởi xướng vận động. Ông Dương Quang Ngự, một người bạn thân của bác sĩ Dille từ những ngày làm việc chung tại Việt Nam (1968), suốt thời gian khi con cháu ông Ngự định cư tại MN (1983), cho đến khi hai ông bà Ngự được định cư tại MN (1995), đã giúp đỡ cộng đồng trong vai trò người vận động (lobbyist) và người liên hệ (liaison) trong công tác vận động lưỡng viện quốc hội MN thông qua mau chóng các nghị quyết cờ VNCH tại MN.

Ngoài công việc chuyên môn của một bác sĩ thú y, ông Steve Dille còn quan tâm đến việc phục vụ cộng đồng Dassel, MN. Khởi sự là một kiểm soát viên của thành phố Dassel (supervisor), ông trúng cử vào hạ viện tiểu bang MN năm

1986, tái đắc cử các năm 1988, 1990; đắc cử vào thượng viện MN năm 1992 (khu vực số 18, thành phố Dassel, thuộc đảng Cộng Hòa), tái đắc cử các năm 1996, 2000, 2002. Lĩnh vực hoạt động chuyên môn của ông là: nông nghiệp, phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường.

Suốt thời gian ông phục vụ trong quốc hội tiểu bang MN, ông vẫn đồng thời làm việc tại trang trại của gia đình ở Dassel. Ông nghỉ hưu năm 2012, và vẫn tiếp tục làm công việc mà ông rất yêu thích tại trang trại. Những năm gần đây, tình trạng sức khoẻ của cựu TNS Steve Dille suy yếu nhiều vì bệnh hiểm nghèo. Thời gian ông ở cùng chúng ta không còn nhiều, nên chúng ta sẽ dành thời gian cùng cầu nguyện cho ông được mọi sự an lành.

Ông đã sống cả cuộc đời mình phục vụ tận tụy cho gia đình, cho xã hội, cho Dassel, và cho tiểu bang nhà Minnesota (MN). Đặc biệt ông đã cống hiến một phần tuổi trẻ của mình, phục vụ cho người dân VN vùng châu thổ sông Cửu Long, trong thời chiến tranh Việt Nam; thời gian tuy ngắn chỉ có 3 năm rưỡi, nhưng tấm lòng của ông dành cho họ chân thật và chí tình, lưu lại cho họ biết bao kỷ niệm đẹp. Sự tận tụy của ông dành cho các di dân Việt tỵ nạn CS tại MN từ năm 1983 và nhiều năm sau đã để lại trong lòng các di dân Việt lòng cảm mến, và biết ơn sâu xa.

Ông đã giúp cho thế hệ di dân người Việt tỵ nạn CS trẻ trung này thực hiện được giấc mơ Mỹ quốc tốt đẹp, sống độc lập, tự tin, từng bước đi lên vững chắc tại vùng đất hứa của cơ hội, của tự do. Ông cũng là một ân nhân của khối người Việt tỵ nạn CS tại MN, giúp họ có niềm tự hào được giương cao lá cờ vàng ba sọc đỏ chính nghĩa của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ, quê hương thứ hai của họ.

Xin thượng đế ban cho ông và gia đình nhiều phúc lành.

Người Việt tỵ nạn cộng sản tại Minnesota luôn nhớ đến

ông như một cố vấn tài năng của người nông dân Nam Việt Nam thời chiến tranh Việt Nam, một người bạn chí tình với các cộng sự người Việt, một người bảo trợ rộng lượng và nhân hậu đối với người Việt tỵ nạn CS tại MN, một dân biểu và một thượng nghị sĩ tiểu bang tận tụy của MN, hết lòng phục vụ người dân MN, nhất là cộng đồng thiểu số người Mỹ gốc Việt tỵ nạn cộng sản tại Minnesota.

Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn MN (từ 2005 đến nay).

4 tháng 8, 2017



Vô Đê

LD. SONG BA, K25

*Không phải đâu, bạn ơi đời gió bụi.
Ngựa Bắc Sơn, vẫn hí lộng trời thu.
Đường xa lắm, dậm đường quê hương cũ
Mơ hồ như.... ai tóc bạc mùa Xuân.*

Ta hẳn nhiên, thương nhớ hoài sông núi.
Chỉ ngại thời gian, vỗ cánh bay.
Đường đi thấp thoáng, ngàn mây trắng,
Ta gọi nhau, lòng ta có hay!

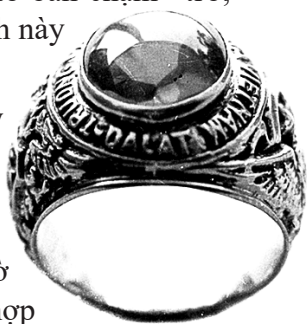
*Đời vui, một chút tình tri kỷ
Chuyện thể nhân, ngàn thu mây bay!*

CHIẾC NHẪN THÂM TÌNH

Tealan, K26/1

Từ thưở xa xưa, loài người đã biết sử dụng trang sức. Với người đàn bà, mua và sử dụng đồ trang sức vì thích nó, vì muốn làm đẹp hơn, vì kỷ niệm không muốn rời xa, và vì muôn ngàn lý do nên họ có thể có không ít những món nữ trang dành riêng để trang điểm, để điệu đà. Đàn ông thì khác, đơn giản hơn nhiều, dù đất hay rẻ, món đồ phải là một vật có ý nghĩa với họ. Đàn ông mà đeo nhiều hột bụi “tổ chẳng”, nhiều vòng to bản chạm trổ, giây nhợ xiềng xích tùm lum thì phong cách này chỉ dành cho các anh chị giang hồ.

Tuy đã quen nhau, gặp nhau hằng ngày nhưng vào ngày đầu tiên chúng tôi cùng nhau đi dạo phố, tôi mới thấy trên bàn tay của anh có đeo chiếc nhẫn Võ Bị. Anh có nói với tôi, trước 75 anh luôn mang nó, giờ thì anh chỉ mang nó trong những trường hợp đặc biệt.



Lần thứ hai, anh đeo lại chiếc nhẫn vào tay trước ngày chúng tôi sắp đi vượt biên khi anh đưa tôi đi thăm mộ Ba của anh nằm trên một miếng đất mà ông nội của anh đã mua vĩnh viễn trong nghĩa trang của một ngôi chùa ở Gò Vấp. Ngôi mộ to bằng đá mài rất đẹp, với số tuổi của ngôi mộ cộng thêm một là bằng tuổi của anh. Đây là lần cuối anh được thăm mộ vì hơn hai năm sau anh nghe tin ở bên quê nhà anh Hai của anh, phải phá ngôi mộ, đi lấy cốt đem để vào chùa khác vì tội Việt Cộng giải tỏa ngôi chùa và nghĩa trang đó.

Lần thứ ba, lần cuối cùng tôi thấy anh đem chiếc nhẫn ra đeo là ngày trước khi anh đem đi bán nó ở Indonesia, một

tháng trước khi chúng tôi được đi định cư qua Mỹ. Hôm đó, cả hai đứa tôi đều buồn, khi thấy chiếc nhẫn bỗng nhiên sao rục rở quá. Có phải vì khi mình mất đi thì mình mới thấy nó là một vật đáng quý?

Khi đang ở trong một trại tị nạn ở trên một đảo nhỏ, anh thấy tôi gầy ốm quá, có lẽ vì thiếu ăn, cũng như thấy tôi cần có một áo ấm khi đến Mỹ là lúc tiết trời đã vào Thu, anh đã bán chiếc nhẫn đó đi để có đủ tiền trang trải.

Thôi thì, cuộc sống sẽ không có sự lựa chọn nếu như không có ăn, không có mặc.

Hai đứa tôi đi bộ gần năm cây số từ sáng sớm đến khu phố của dân địa phương để bán chiếc nhẫn cho ông chủ tiệm người Tàu. Tôi thấy ánh



*Phu quân của tác giả - SVSQ
Nguyễn Thiện Nhơn, K26,
1973.*

mắt ông ấy sáng lên có lẽ ông đoán biết chiếc nhẫn này hiếm thấy vì nó của một người tị nạn từ một quốc gia khác hay là vì ông thấy người bán nó với vẻ mặt đượm nỗi tiếc. Cầm số tiền đó trên tay, nhìn lại chiếc nhẫn lần cuối mà lòng buồn nao nao.

Vào những lúc rảnh rỗi, vợ chồng tôi thỉnh thoảng cũng nhắc lại những kỷ niệm về chiếc nhẫn. Tuy trị giá của nó không là bao nhưng vì nó là món kỷ vật của anh, tôi cảm thấy tôi có phần trách nhiệm. Tôi tự thấy mình có phần lỗi trong đó.

Chúng tôi không quên có ý định làm lại chiếc nhẫn. Dù không phải là nguyên thủy nhưng nó cũng không phải là một vật vô tri. Nó vẫn là một ký hiệu của một sự cam kết của anh với Trường Mẹ, một sự gắn bó của anh với các bạn cùng một khóa. Nó là một thiết bị phát tín hiệu với khóa đàn anh, với

đàn em. Nó cũng là một tín hiệu cho người khác biết phong cách và địa vị của người mang nó là ai. Và rồi bây giờ nó cũng có thêm tình của hai đứa tôi cộng vào chiếc nhẫn Võ Bị đó.

Vào một dịp nghỉ hè giữa thập niên tám mươi, vô chồng tôi qua Cali. Tôi có đi han hỏi vài tiệm vàng người Việt ở phố Bolsa, nhưng chưa có tiệm nào làm nhẫn Võ Bị cả.

Một lần nọ, trên diễn đàn khóa 26, chị Hồ Sĩ Thơ hỏi về vụ có anh chị nào biết chỗ làm nhẫn Võ Bị không? Sau một thời gian khá lâu không đếm ngày, thì tôi mới biết anh Đào Quý Hùng trả lời cho biết có một tiệm nhận làm. Anh Nguyễn Thiện Nhơn mừng quá, hỏi liền cách thức, và lệ làng ghi tên đặt làm nhẫn trước tiên.

Sau khi ghi tên, chúng tôi hỏi hộp theo dõi tin trên danh sách có anh chị nào cần làm lại chiếc nhẫn nữa không hay là chỉ có vợ chồng tôi mà thôi, vì nếu số lượng người đặt ít quá thì tiệm không làm đâu.

Rồi, trên diễn đàn của khóa 26 xôn xao, khóa 26 lao xao, khi danh sách số người ghi danh làm nhẫn cứ tăng lên dần. Thấy vui quá, hai đứa tui cứ cười hoài. Hóa ra, cũng có nhiều anh cùng khóa đã bị mất nhẫn chớ đâu phải có một hai người chúng tôi đâu. Mỗi người bị mất chiếc nhẫn mỗi cách trong những trường hợp khác nhau, nhưng phần nhiều lý do đều từ hoàn cảnh đau buồn, tang thương đã đến với người lính sau khi bị bại trận.

Bị mất mát một kỷ vật đáng trân trọng thì có mấy ai không muốn có lại.

Lời của anh Võ Công Tiên, K26 kể lại:

- “Ngày đầu tháng 4 năm 74, tôi bị thương nặng. Tôi liền cõng chiếc nhẫn đưa cho ông Đại Đội Trưởng, K24. Số chưa chết, sau vài tuần tôi nhận lại và đeo tới tháng 6 năm 75. Khi đi tù, tôi gửi chiếc nhẫn cho một cậu sinh viên quen thân, quê Đà Nẵng đang học ở Saigon. Thời gian sau, cậu bán đi vì đói quá. Khi tôi ra tù, cậu em tỏ vẻ rất hối hận. Tôi đã khuyên cậu

đùng để ý, dù tôi rất tiếc đã mất nó.”

Anh Nguyễn Quang Lạc cũng hồi tưởng lại:

- “Hồi đó, tôi làm hai chiếc nhẫn. Chiếc nhẫn hột đỏ, được Thiếu tướng Lâm Quang Thơ đeo vào tay tôi. Năm 75 đưa cho vợ đi bán để mua thuốc cho con gái. (Rất đau lòng!) Chiếc nhẫn hột xanh làm để tặng vợ, vợ tặng lại bố vợ. Sau này trước khi mất, Cụ trao lại cho tôi. Tôi còn nhẫn, một chiếc nhẫn với



*Buổi hội ngộ của Khóa 26 nhân Đại Hội XX của Trường
VBQGVN, năm 2015.*

nhieu kỷ niệm êm đềm!”

Anh Nguyễn Đức, ở bên Úc kể cũng không vui:

- “Tôi bị mất chiếc nhẫn khi đi vượt biên vì bề trên của tôi giấu kỹ quá. Lần thứ hai làm lại thì bị ăn trộm vào nhà lấy. Chiếc nhẫn đang có là chiếc thứ ba, do tôi đặt làm từ một Niên Trường.”

Anh Trần Quang Diệu ở bên Tây kể nghe mắc cười:

- “Ba tôi đem bán chiếc nhẫn để có tiền đi thăm tôi trong tù “cải tạo”. Chiếc nhẫn bây giờ được một Niên Trường làm. Mấy hôm rày thấy lao xao bàn về vụ làm nhẫn tôi bèn lấy ra đeo, nhưng nó bự quá khiến tôi muốn xụi cánh tay.

- “Tôi thì đem chiếc nhẫn bán vì không có tiền để uống cà

phê.” Lời của anh Đào Quý Hùng.

Vài dòng của anh Hùng ngắn gọn và có vẻ bí mật quá làm chúng tôi đánh dấu hỏi:

- “Hồng lẽ đi mình “ên” uống cà phê mà đành phải bán nhẫn. Đi với ai mà không chịu tiết lộ cho vui cả... khoa?”

Còn nhiều trường hợp nữa nhưng có anh ngại ngần không



Mẫu nhẫn mới do CSVSQ Đào Quý Hùng phác thảo.

tiện nói ra. Thôi thì cứ cho là mất rồi thì mua lại, tại sao phải nói ra chuyện riêng tư của mình. Hãy để kỷ niệm đó vào một góc của trái tim.

Có không ít các anh còn giữ được chiếc nhẫn thân yêu đã theo nhau suốt quãng đời kham khổ. Vượt qua những nỗi thăng trầm khó khăn mà còn giữ được nó thì thật là đáng quý!

Càng vui thêm khi tôi nghe các anh ở bên khóa 29 biết tin khóa 26 đặt làm nhẫn cũng muốn đặt làm luôn một thể để có lại chiếc nhẫn Võ Bị bị mất.

Bao nhiêu cảm xúc lại ùa về kéo ngược thời gian hơn 40 năm trước. Biết bao là kỷ niệm một thời ở Trường Mọc của các anh!

Chúng tôi nôn nao chờ đợi ngày họp mặt của khóa, hứa hẹn cùng nhau chung một ngày vui, Ngày Lễ Trao Nhẫn.

Một ngày không xa...



Hội Yō Bị Pennsylvania Tân Niên Xuân Đinh Dậu 2017

Đỗ Nguyễn Nhật Khai, K20/2

Theo thông lệ hàng năm, thành viên của Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Pennsylvania và Phụ Cận lại tề tựu về để tham dự buổi tiệc họp mặt Tân Niên Xuân Đinh Dậu vào ngày Chủ Nhật, 12 tháng 03 năm 2017, tại nhà hàng Maxim, thành phố Philadelphia.

Trong không khí ấm cúng của cuộc hội ngộ, Hội được vinh dự đón tiếp trên dưới 100 quan khách bao gồm Giáo Sư Văn Hóa Vụ Nguyễn Trọng Bối, 18 cựu SVSQ cùng gia đình, và thân hữu; với cựu SVSQ Nguyễn Công Hiệp, khóa 15 thuộc khóa lớn nhất trong buổi họp mặt và cựu SVSQ Trương Văn Be, K30 thuộc khóa nhỏ nhất. Được biết cựu SVSQ Trương Văn Be và gia đình vừa được định cư tại Hoa Kỳ trong năm qua.

Sau phần nghi thức khai mạc và chào cờ là phần báo cáo sinh hoạt nội bộ và bầu một ban chấp hành mới để thay cho CSVSQ Đố Đức Chiến K20 vì tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục trách nhiệm Hội Trưởng. Đắc cử vào chức vụ Hội



Từ trái qua phải: CSVSQ Lạc Minh Châu K22, Nguyễn Đăng Mộc K26, Bùi Văn Phúc K29, Trương Văn Be K30, Giáo sư văn hóa vụ Nguyễn Trọng Bồi, Nguyễn Văn Giới K26, Trần Công Hiệp K15, Nguyễn Bắc Ninh K26, Huỳnh Văn Phú K19, Phùng Xuân Vinh K17, Trương Văn Thành K21, Phạm Tân K18, Nguyễn Tâm Tú K19 (anh của cựu SVSQ Nguyễn Tâm Miên K20), Trần Văn Chín K19, Nguyễn Văn Trang K19, Bùi Văn Hùng K25, Nguyễn Văn Hai K20, Nguyễn Văn Dục K17.

trưởng là CSVSQ Nguyễn Văn Dục K17, với CSVSQ Phùng Xuân Vinh- K17 đảm trách vai trò Hội Phó Nội Vụ, CSVSQ Lạc Minh Châu- K22 Hội phó Ngoại Vụ, và CSVSQ Nguyễn Bắc Ninh- K26 Thủ quỹ.

Kế đến là chúc Tết của TTNDH-PA từ Đoàn Trưởng Đố Nguyễn Nhật Khai- K20, phần mừng tuổi của thế hệ con cháu của hội Võ Bị, là đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, và lì xì. Vì lòng thương yêu và tin tưởng của cha chú, năm nay là năm thứ ba đoàn TTNDH-PA đứng ra nhận lãnh trọng trách tổ chức

buổi họp mặt Tân Niên để tiếp bước cha chú của mình; cũng như hơn mười năm qua TTNDH đã đảm trách chương trình văn nghệ Mừng Xuân Võ Bị.

Chương trình văn nghệ mừng Xuân do đoàn TTNDH-PA đảm trách năm nay mang chủ đề “Võ Bị Trong Tôi”. Một số



*TTNDH-PA
mừng tuổi
ông bà cha
mẹ Võ Bị.*

nhạc phẩm đã một thời gắn bó với cuộc đời Võ Bị và chinh chiến như “Lục Quân Việt Nam”, “Xuất Quân”, “Đà Lạt



Hoàng Hôn”, “Một Người Đi”, v.v... đã mang lại không ít cảm xúc đến các CSVSQ. Những bài hát đấu tranh như “Đất Nước Minh Ngô Quê Phải Không Anh?”, “Con Đường Việt Nam”, và “Việt Nam Oi” bày tỏ những ước vọng cho quê hương Việt Nam hiện tại của các thế hệ con cháu.

Buổi tiệc mừng xuân được kết thúc vào 4 giờ chiều và xin hẹn gặp lại vào dịp họp mặt sắp đến.

Đoàn Trưởng Đoàn TTNDH Pennsylvania và Phụ Cận.

